NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP

*ThS. Nguyễn Thùy Linh **
*Nguyễn Hồng Trường ***

Tóm tắt

Năng lực tài chính của một ngân hàng thương mại (NHTM) đóng vai trò vô cùng quan trọng với hoạt động an toàn và phát triển bền vững của một ngân hàng. Năng lực tài chính của một NHTM càng được đảm bảo thì mức độ rủi ro trong hoạt động ngân hàng càng thấp và năng lực cạnh tranh của NHTM trên thị trường được nâng lên. Do vậy, năng lực tài chính của NHTM phải không ngừng được nâng cao và hoàn thiện, là điều kiện không thể thiếu được với bất cứ một NHTM nào. Hệ thống NHTM Việt Nam đã và đang từng bước nâng cao năng lực tài chính. Tuy nhiên, với xuất phát điểm thấp, kinh nghiệm thương trường hạn chế, điều này đã khiến các NHTM Việt Nam gặp khó khăn trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Bài viết này trình bày khái quát về năng lực tài chính của NHTM, thực hiện khảo sát và đánh giá thực trạng năng lực tài chính của các NHTM Việt Nam. Từ đó, tác giả đưa ra một số đề xuất nhằm nâng cao năng lực tài chính của các NHTM Việt Nam, hướng tới mục tiêu nâng cao khả năng cạnh tranh cho các NHTM Việt Nam trong tiến trình hội nhập.

Năng lực tài chính của NHTM phải không ngừng được nâng cao và hoàn thiện

1. Đặt vấn đề

Nền kinh tế Việt Nam đang bước vào một giai đoạn mới trong quá trình hội nhập ngày càng sâu sắc với nền kinh tế thế giới. Quá trình chuyển biến trong quan hệ kinh tế quốc tế của Việt Nam đã và đang mang lại nhiều cơ hội cũng như thách thức lớn cho các chủ thể trong nền kinh tế Việt Nam nói chung và cho các NHTM nói riêng. Theo PGS., TS. Hà Văn Hội (2016), hội nhập quốc tế sẽ đẩy mạnh sự phát triển của thị trường dịch vụ tài chính Việt Nam, mang lại cơ hội mới đối với các NHTM Việt Nam trong việc phát triển mạng lưới kinh doanh, mở rộng và đa dạng hóa các dịch vụ ngân hàng như tín dụng, bảo lãnh, thanh toán quốc tế, hỗ trợ vốn... cho các doanh nghiệp xuất khẩu, đồng thời, hội nhập cũng thúc đẩy tăng trưởng dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam khiến các NHTM Việt Nam cũng gia tăng khả năng thanh khoản và cơ hội kinh doanh. Song bên cạnh những lợi ích đó, hội nhập kinh tế cũng mang lại hàng loạt những thách thức đối với ngành Ngân hàng của Việt Nam. Áp lực cạnh tranh trong ngành Ngân hàng, các ngân hàng nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh và khả năng quản trị chuyên nghiệp sẽ gia tăng sức ép với NHTM trong nước, nếu không cẩn trọng và có sự chuẩn bị tốt, các NHTM Việt Nam sẽ phải đối mặt với nguy cơ bị thôn tính bởi các ngân hàng ngoại. Điều này đặt ra rất nhiều đòi hỏi trong quá trình phát triển đối với các NHTM Việt Nam, trong đó đặc biệt là việc nâng cao năng lực tài chính để qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của mỗi một NHTM. Trong phạm vi bài viết này, nâng cao năng lực tài chính của các NHTM Việt Nam là nội dung phân tích chủ yếu.

Theo Phan Thị Hằng Nga (2013), "Tài chính NHTM" là sự vận động của các luồng tài chính gắn liền với quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng các quỹ tiền tệ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của ngân hàng. "Năng lực tài chính của NHTM" chính là khả năng

* Trường Đại học Thương mại
** NHNN

tài chính để ngân hàng thực hiện và phát triển các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả. Năng lực tài chính của ngân hàng không chỉ là nguồn lực tài chính đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng mà còn là khả năng khai thác, quản lý và sử dụng các nguồn lực đó phục vụ hiệu quả cho hoạt động kinh doanh. Năng lực tài chính không chỉ thể hiện sức mạnh hiện tại mà còn thể hiện sức mạnh tài chính tiềm năng, triển vọng và xu hướng phát triển trong tương lai của ngân hàng đó. Năng lực tài chính của một ngân hàng chính là việc dùng khả năng tài chính để tạo ra lợi nhuận ổn định và đạt cao hơn các đối thủ khác hoặc cao hơn mức bình quân của ngành, hoạt động an toàn và đạt được vị thế tốt hơn trên thương trường. Vì hoạt động của NHTM gồm: Huy động vốn, tín dụng, đầu tư, hoạt động thanh toán nên năng lực tài chính của NHTM được thể hiện ở hiệu quả hoạt động kinh doanh trong các mặt hoạt động trên và được cụ thể hóa bằng các tiêu chí đánh giá: (1) Quy mô và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu; (2) Tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn (CAR - Capital Adequacy Ratio); (3) Quy mô và chất lượng tài sản; (4) Quy mô và tốc độ của nguồn vốn huy động; (5) Khả năng thanh khoản.

Một NHTM có năng lực tài chính tốt là NHTM luôn duy trì được hoạt động bình thường và phát triển một cách ổn định, bền vững trước những tác động về điều kiện về kinh tế, chính trị, xã hội ở trong nước và trên thế giới (Lã Thị Lâm, 2014), là ngân hàng có khả năng cung cấp tín dụng có hiệu quả và các dịch vụ tài chính cho nền kinh tế, là ngân hàng luôn đáp ứng đầy đủ yêu cầu khách hàng về vốn và các dịch vụ ngân hàng phù hợp với quá trình phát triển kinh tế, xã hội trong nước và thế giới, là ngân hàng bảo đảm được sự tồn tại và phát triển của mình một cách an toàn, không xảy ra những đổ vỡ hay phá sản. Việc nâng cao năng lực tài chính của NHTM còn đem lại ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Những lợi thế mà NHTM có thể có được từ quá trình toàn cầu hóa như có thể tiếp cận được các nguồn vốn đầu tư, công nghệ và kinh nghiệm quản lý từ các NHTM của các nước có trình độ phát triển cao hơn. Song song với những lợi thế có được của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, các NHTM cũng sẽ gặp không ít áp lực là thách thức khi phải cạnh tranh với những ngân hàng nước ngoài có trình độ quản lý và công nghệ cao hơn. Do đó, nếu năng lực tài chính của ngân hàng không tốt, quy mô vốn chủ sở hữu thấp thì ngân hàng khó có thể trụ vững. Bên cạnh đó, nâng cao năng lực tài chính NHTM đảm bảo yêu cầu tự chủ của nền kinh tế trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng là một thách thức lớn với nhiều nền kinh tế. Để làm được điều này, một hệ thống NHTM với năng lực tài chính vững mạnh là một trong những giải pháp hữu hiệu. Một nền kinh tế tự chủ đòi hỏi phải phát huy cao độ nội lực của nền kinh tế bên cạnh việc tranh thủ ngoại lực. Với khả năng tạo lập vốn, hệ thống các NHTM sẽ huy động tối đa các nguồn vốn nhàn rỗi của nền kinh tế đáp ứng cho nhu cầu đầu tư trong nước. Chức năng này được các NHTM thực hiện càng tốt bao nhiêu thì áp lực chịu phụ thuộc vào vốn ngoại càng giảm thấp. Chính vì vậy, những áp lực về các điều kiện gắn liền với việc sử dụng nguồn vốn này sẽ giảm đi, nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế. Việc tự chủ được nguồn vốn của nền kinh tế dựa vào hệ thống ngân hàng còn giảm được những cú sốc tỷ giá hay tình trạng nhập khẩu lạm phát, giảm những bất ổn đối với một nền kinh tế tự chủ (Nguyễn Thu Hiền, 2012).

Hoạt động ngân hàng là một lĩnh vực hoạt động đặc biệt, nó có ảnh hưởng rất lớn đến sự an toàn của an ninh tài chính quốc gia. Điều này đòi hỏi các NHTM phải có một sức mạnh tài chính tối thiểu nhằm chống đỡ rủi ro cũng như an toàn hoạt động. Thực tế trên thế giới có nhiều mô hình được sử dụng để phân tích, đánh giá năng lực hoạt động của các NHTM như CAMELS, Moody's. Mô hình CAMELS dựa trên 6 yếu tố cơ bản được sử dụng để đánh giá hoạt động của một ngân hàng, đó là: Mức độ an toàn vốn; Chất lượng tài sản có; Quản lý; Lợi nhuận; Thanh khoản và Mức độ nhạy cảm thị trường. Moody's là một tổ chức xếp hạng độc lập, xếp hạng tín nhiệm Ngân hàng của Moody's bao gồm hai nhóm xếp hạng chính: Xếp hạng năng lực tài chính của ngân hàng và xếp hạng tiền gửi của ngân hàng. Việc đánh giá năng lực tài chính ngân hàng được xem xét qua một số tiêu chí:

- Quy mô vốn chủ sở hữu: Theo nghiên cứu của tổ chức này, một ngân hàng nên phải có mức vốn chủ sở hữu tối thiểu

để tạo bức đệm chống đỡ rủi ro. Khuyến cáo với mức vốn chủ sở hữu của một ngân hàng nên đạt mức khá của một ngân hàng trong khu vực là 1 tỷ USD (Ara Hosna và cộng sự, 2009).

- Chỉ tiêu thanh khoản: Chỉ tiêu này được xác định giữa các tài sản có thời hạn dưới một năm so với tổng tài sản. Tỷ lệ này nên ở mức ngưỡng tối thiểu là 30%. (Nguyễn Thu Hiền, 2012).

- Quy mô, chất lượng tài sản và nguồn vốn: Tốc độ tăng trưởng bình quân nên duy trì là: Tài sản là 25%; Nguồn vốn là 23%; Tín dụng 15%; Đầu tư 31%; CAR 12%; Nợ xấu dưới 2% tổng dư nợ; ROA lớn hơn hoặc bằng 1%; ROE trong khoảng từ 12% - 15%; Cơ cấu dư nợ/ Tổng tài sản có nhỏ hơn hoặc bằng 60%. (Ara Hosna và cộng sự, 2009).

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế ngày càng sâu và rộng của nền kinh tế Việt Nam nói chung cũng như hệ thống ngân hàng Việt Nam nói riêng, các NHTM ở Việt Nam cần chú trọng việc nâng cao năng lực tài chính của mình theo các tiêu chuẩn quốc tế để đảm bảo sức cạnh tranh với các ngân hàng nước ngoài đã và sẽ hoạt động trên thị trường Việt Nam.

2. Thực trạng năng lực tài chính của các NHTM Việt Nam

Tính đến thời điểm hiện nay, hệ thống NHTM ở Việt Nam có khoảng 100 ngân hàng, bao gồm NHTM thuộc sở hữu Nhà nước, NHTM cổ phần và NHTM cũng như văn phòng đại diện của NHTM có yếu tố nước ngoài, trong đó có hơn 30 NHTM của Việt Nam. Trong phạm vi của bài viết này, số liệu thống kê được thu thập từ các NHTM của Việt Nam.

Bảng 1: Tăng trưởng vốn chủ sở hữu của các NHTM Việt Nam giai đoạn 2011-2016

Chỉ tiêu	2011	2012		2013		2014		2015		2016	
	Số tiền (tỷ đồng)	Số tiền (tỷ đồng)	Tăng (%)	Số tiền (tỷ đồng)	Tăng (%)	Số tiền (tỷ đồng)	Tăng (%)	Số tiền (tỷ đồng)	Tăng (%)	Số tiền (tỷ đồng)	Tăng (%)
Mức vốn CSH	204.253	238.608	16,82	269.937	13,13	306.784	13,65	337.554	10,03	370.871	9,87

Nguồn: Phân tích tài chính các NHTM Việt Nam

Bảng 2: Hệ số an toàn vốn CAR của các NHTM giai đoạn 2011-2016 (%)

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Hệ số an toàn vốn	14,05	16,84	14,19	12,81	14,65	13,57

Nguồn: Báo cáo thường niên các NHTM

Trong giai đoạn 2011-2016, mức tăng trưởng vốn chủ sở hữu trung bình của các NHTM Việt Nam là 12,7% (nếu lấy năm 2011 làm kì gốc). Nhìn vào số liệu trong bảng 1, có thể thấy mặc dù tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu của các NHTM Việt Nam vẫn gia tăng nhưng có xu hướng giảm tốc.

Mặc dù có nhiều NHTM lớn của Việt Nam có quy mô vốn chủ sở hữu khá cao (Vietcombank, Vietinbank, BIDV...) khi so sánh với các NHTM nước ngoài, nhưng cũng có những NHTM Việt Nam có quy mô nhỏ có mức vốn chủ sở hữu thấp (VietAbank; GPBank; KienLongBank...). Điều này khiến sức chống đỡ với rủi ro của các ngân hàng này và năng lực cạnh tranh còn hạn chế, (Đỗ Khắc Hướng, 2013). Nếu theo tiêu chuẩn khuyến cáo của Moody's thì Việt Nam còn ít NHTM có vốn chủ sở hữu từ 1 tỷ USD trở lên (tương đương 22.385 tỷ VND theo tỷ giá hiện nay). (Bảng 2)

Để đảm bảo chỉ số an toàn hoạt động, bên cạnh việc đáp ứng quy định về mức vốn điều lệ tối thiểu mà cho đến nay tất cả các NHTMCP đều đã đạt yêu cầu, (cho dù không ít các ngân hàng phải khá chật vật để hoàn thành). Trước 1/10/2010, các NHTMCP phải duy trì tỷ lệ tối thiểu 8% giữa vốn tự có so với tổng tài sản "Có" rủi ro theo Quyết định 457/2005/QĐ- NHNN ban hành ngày 22/4/2005. Do bối cảnh phát triển của hệ thống các tổ chức tín dụng trong thời kỳ hậu suy thoái kinh tế, cũng như những yêu cầu an toàn hoạt động của hệ thống ngân hàng theo khuyến cáo của Basel 2. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam đã ban hành Thông tư 13/2010/TT-NHNN ngày 20/5/2010 và có hiệu lực từ 1/10/2010. (Hiện được thay thế bởi Thông tư 36/2014/TT-NHNN có hiệu lực từ 01/2/2015), quy định tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 9% giữa vốn tự có so với tổng tài sản "Có" rủi ro. Với những yêu cầu của thông tư, một mặt các NHTMCP phải nỗ lực tăng quy mô vốn chủ sở hữu, mặt khác phải kiểm soát tăng trưởng tài sản để đảm bảo hệ số an toàn vốn theo quy định. Bằng nhiều biện pháp phù hợp được áp dụng, hầu hết các NHTMCP đã đảm bảo được hệ số an toàn vốn theo quy định của NHNN. Hiện nay, hệ số an toàn vốn bình quân của các NHTMCP trong những năm qua đều ở mức trên 12%. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, những yêu cầu đòi hỏi trong quá trình cạnh tranh ngày càng khắt khe hơn, nếu nhìn vào mặt bằng ở một số nước trong khu vực cho thấy hệ số an toàn vốn các NHTMCP vẫn còn khoảng cách với những ngân hàng ở các quốc gia khác. Theo

Bảng 3: Quy mô và tốc độ tăng trưởng tổng tài sản của hệ thống NHTM Việt Nam

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Quy mô tăng trưởng tổng tài sản (tỷ vnd)	4.959.801	5.085.780	5.755.869	6.541.900	6.968.359	7.616.416
Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản (%)	-	2.5	13.2	12,2	6,5	9,3

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Bảng 4: Quy mô và tốc độ tăng trưởng vốn huy động của các NHTM Việt Nam

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Quy mô tăng trưởng vốn huy động (tỷ vnd)	342.459	385.780	450.881	521.574	604.348	706.120
Tốc độ tăng trưởng vốn huy động (%)	-	12,65%	16,88%	15,68%	15,87%	16,84%

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Bảng 5: Các chỉ tiêu đánh giá dư nợ cho vay của các NHTM Việt Nam

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Quy mô dư nợ cho vay (tỷ vnd)	242.330	272.948	307.865	356.472	417.107	513.626
Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay (%)	-	12,63	12,79	15,79	17,01	23,14

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Bảng 6: Các chỉ tiêu đánh giá khả năng sinh lợi của các NHTM Việt Nam

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015	2016
ROA (%)	1,09	0,62	0,49	0,51	0,52	0,47
ROE (%)	11,98	6,31	5,18	5,49	6,26	6,12

Nguồn: Báo cáo Phân tích hoạt động NHTM thường niên 2010-2015 và theo Bùi Quang Tín (2016)

VCCI (2016), hệ số an toàn vốn năm 2015 của NHTM Việt Nam là 14,65%, trong khi đó của Hàn Quốc là 17,15%, Indonexia là 17,6, Singapore là 16,4%, Ấn độ là 19,8%. Thêm vào đó, theo Tiến sĩ Bùi Quang Tín (2016), việc tính CAR của Việt Nam hiện tại còn khác so với Basel 2, vì thế nếu áp theo chuẩn mới của Basel 2 và được thực hiện đầy đủ thì tỷ lệ CAR có thể sẽ thấp hơn. (Bảng 3)

Nếu so sánh với tiêu chuẩn tăng trưởng tài sản của Moody's là 25% thì quy mô và tốc độ tăng trưởng của các NHTM Việt Nam còn thấp. Điều này đòi hỏi các NHTM Việt Nam cần cố gắng nhiều trong việc nâng cao quy mô và tốc độ tăng trưởng tổng tài sản để đảm bảo hệ số an toàn cao trong kinh doanh cũng như để đảm bảo khả năng cạnh tranh với các ngân hàng nước ngoài. (Bảng 4)

Năm 2011 là một năm chịu "sức ép nóng" trên thị trường huy động vốn của các NHTM. Mặc dù vẫn áp trần lãi suất huy động vốn, nhưng vẫn có tình trạng xé rào lãi suất huy động ở một số NHTM, những dịch chuyển vốn trong hệ thống ngân hàng rất mạnh mẽ, trong khi quy mô và tốc độ tăng trưởng vốn toàn hệ thống chưa cao. Năm 2012, dù tốc độ tăng trưởng huy động vốn không thấp nhưng sức ép huy động vốn với các NHTM vẫn chưa giảm nhiệt do nhu cầu vay vốn trên thị trường còn cao (Liễu Thu Trúc và Võ Thành Danh, 2012). Năm 2013, tình trạng cạnh tranh lãi suất vẫn diễn ra tại một số NHTM cho dù không "sôi động" như trong thời kỳ căng thẳng vốn do việc quy định áp trần lãi suất huy động vốn ngắn hạn của NHNN. Năm 2014 và 2015, tốc độ tăng trưởng huy động vốn duy trì tương đối ổn định mặc dù lãi suất huy động vốn ngân hàng tiếp tục giảm nhưng tăng trưởng huy động vốn vẫn hết sức khả quan. Tốc độ tăng trưởng vốn năm 2016 cho thấy diễn biến tiếp tục khả quan khi chỉ số này cao hơn so với năm 2015 đã đáp ứng phần nào kì vọng của các NHTM. (Bảng 5)

Xem xét trong giai đoạn 2011-2016, quy mô dư nợ cho vay và tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay đã không ngừng tăng lên. Điều này cho thấy sự nỗ lực không ngừng của các NHTM trong việc tìm kiếm và cung cấp các khoản vay cho khách hàng. Tốc độ tăng trưởng dư nợ 3 năm gần đây đạt tiêu chuẩn tương đương so với các NHTM trong khu vực theo thang đo Moody's là 15%, đặc biệt tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay năm 2016 tăng vượt trội so với các năm trước (Mặc dù vậy, tỉ lệ nợ xấu của các NHTM Việt Nam còn cao hơn theo Moody's khuyến cáo là 2%). Tốc độ tăng trưởng tín dụng tương đương với các NHTM trong khu vực. Năm 2016, các chỉ tiêu về tổng tài sản, quy mô vốn huy động và quy mô dư nợ cho vay đều tăng trưởng cao hơn các năm trước đó. (Bảng 6)

Các chỉ tiêu ROA (tỉ suất sinh lời trên tổng tài sản) và ROE (tỉ suất sinh lời trên vốn chủ) cho thấy sự giảm sút về khả năng sinh lợi trong 4 năm từ 2011 đến 2014. Đây là giai đoạn khó khăn của toàn bộ ngành Ngân hàng Việt Nam. Bắt đầu từ 2014 và 2015, ROA và ROE đã được cải thiện nhiều. Năm 2016, ROA và ROE có xu hướng giảm đôi chút so với năm 2015. Như vậy, có thể thấy các NHTM Việt Nam cần tiếp tục phấn đấu mới có thể đạt hiệu quả sinh lời tương đương với các NHTM các nước

trên thế giới.

Những số liệu và phân tích ở trên cho thấy trong giai đoạn vừa qua, ngành Ngân hàng Việt Nam đã đạt được những kết quả nhất định trong việc nâng cao năng lực tài chính:

(1) Nâng cao sức mạnh tài chính cũng như khả năng chống đỡ rủi ro trên cơ sở tăng quy mô vốn chủ sở hữu và đảm bảo hệ số an toàn vốn; (2) Quy mô, tốc độ tăng trưởng bình quân về huy động vốn, cho vay cũng như tài sản tăng mạnh thể hiện sự gia tăng năng lực tài chính của các NHTM; (3) Nỗ lực trong việc xử lý nợ xấu nhằm lành mạnh hóa tình hình tài chính; (4) Chính sách điều chỉnh và quản lý hoạt động của các NHTM đang dần tiệm cận với chuẩn mực quốc tế.

Bên cạnh đó, về năng lực tài chính của các NHTM Việt Nam cũng đang còn một số thách thức: (1) Quy mô vốn chủ sở hữu còn nhỏ so với các ngân hàng trong khu vực; (2) Tăng quy mô dư nợ tín dụng và tổng tài sản chưa có tính bền vững cao; (3) Tỷ lệ nợ xấu cần được giảm xuống; (4) Mức sinh lời trong kinh doanh của các NHTM chưa cao như các NHTM nước ngoài.

3. Một số đề xuất nhằm nâng cao năng lực tài chính của các NHTM Việt Nam

Hướng tới mục tiêu không ngừng nâng cao năng lực tài chính nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho các NHTM Việt Nam với các ngân hàng nước ngoài trong khu vực và trên toàn thế giới trong giai đoạn hội nhập, các NHTM Việt Nam cần không ngừng phát huy những ưu điểm, lợi thế của mình, đồng thời cần khắc phục những điểm yếu, vươn tới những tiêu chuẩn quốc tế của ngành Ngân hàng.

Cụ thể, các NHTM Việt Nam cần tăng vốn tự có, đa dạng hóa cấu trúc sở hữu vốn tự có, nâng cao hệ số an toàn vốn, xử lý nợ tồn đọng và ngăn chặn nợ xấu gia tăng, nâng cao chất lượng tài sản và tỷ lệ tài sản sinh lời phấn đấu từng bước ngang tầm của một định chế tài chính ngân hàng mang tính thương mại và có khả năng cạnh tranh cao trên thế giới. Phát triển lợi thế cạnh tranh, đồng thời cơ cấu lại hoạt động với trọng tâm là nâng cao năng lực quản trị điều hành kinh doanh trong điều kiện kinh doanh hiện đại.

Đa dạng hóa dịch vụ ngân hàng, đa dạng thị trường cũng là một trong những cách thức để nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh của các NHTM; Đầu tư nghiên cứu và phát triển dịch vụ ngân hàng mới có hàm lượng ứng dụng công nghệ cao (thẻ thanh toán, thẻ thông minh, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, internet banking, home banking, e-banking); Cải tiến và hoàn thiện hệ thống các dịch vụ truyền thống thông qua việc cải tiến chất lượng dịch vụ, thủ tục giao dịch, phong cách phục vụ và chính sách tìm hiểu thị trường, tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận các dịch vụ ngân hàng dễ dàng hơn, tránh để thị trường mất dần vào tay các ngân hàng nước ngoài; Tập trung vào các khu vực thị trường mục tiêu: Khu vực đô thị, khu công nghiệp, các trung tâm kinh tế - thương mại; Coi trọng khách hàng là doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các tập đoàn quốc gia và đa quốc gia, cá nhân và gia đình có thu nhập trên mức trung bình; Những thị trường mới nổi và thị trường có nhiều tiềm năng, nhất là khu vực dịch vụ ngân hàng bán lẻ, tài trợ dự án, tài trợ thương mại, dịch vụ thanh toán và chuyển tiền.

Bên cạnh các vấn đề trên, các NHTM tiếp tục nâng cao năng lực quản trị ngân hàng đặc biệt là quản trị rủi ro. Để làm được điều này, các NHTM cần nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của công tác quản trị rủi ro, tăng cường các biện pháp phòng ngừa rủi ro; chủ động áp dụng mô hình quản trị rủi ro phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Ngoài ra, các NHTM nên xây dựng danh mục các loại rủi ro và mức độ rủi ro mà ngân hàng có thể chấp nhận được, hoàn thiện chính sách và quy trình quản trị rủi ro cũng như nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho công tác quản trị rủi ro.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

[1] Ara Hosna, Bkaeva Manzura và Sun Juanjuan, 2009, Credit Risk Management and Profitability in Commercial Bank in Sweden, PhD. Thesis, University of Gothenburg, Sweden.

[2] Bùi Quang Tín, 2016, An toàn vốn của Ngân hàng thương mại, Tri Thức Trẻ

[3] Đỗ Khắc Hường, 2013, "Xu hướng thay đổi cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng tại Việt Nam", Tạp chí Tài chính số 5/2013.

[4] Hoàng Thị Duyên, 2016, "Bàn về hiệu quả quản lý nợ xấu Ngân hàng", Tạp chí Tài chính số 8/2016.

[5] Lã Thị Lâm, 2014, Năng lực tài chính của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam, Luận án tiến sĩ.

[6] Liễu Thu Trúc và Võ Thành Danh, 2012, "Phân tích hoạt động kinh doanh của hệ thống NHTM cổ phần Việt Nam", Tạp chí Khoa học 2012.

[7] Nguyễn Thu Hiền, 2012, Nâng cao năng lực cạnh tranh của NHTM nhà nước Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, Luận án tiến sĩ kinh tế.

[8] Phan Thị Hằng Nga, 2013, Năng lực tài chính của các Ngân hàng thương mại, Luận án Tiến sĩ.

[9] Phân tích Báo cáo thường niên ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các NHTM 2010-2015

[10] PGS. TS. Hà Văn Hội, 2016, Tham gia TPP: Cơ hội và thách thức đối với lĩnh vực tài chính ngân hàng Việt Nam, http://www.sbv.gov.vn/portal/faces/vi/pages/

[11] Phương Diệp, 2016, Eximbank giữ vị trí quán quân nợ xấu trong 9 tháng đầu năm, http://news.zing.vn/no-xau-cac-ngan-hang-post694751.html

[12] VCCI, 2016, Cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ gia tăng với TTP, http://www.trungtamwto.vn/tpp/canh-tranh-trong-nganh-ngan-hang-gia-tang-voi-tpp